

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 08/3/2018

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường

2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1032/2017/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2017 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979

Thường trú: Xóm C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tạm trú: đường T, khu phố H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Võ M, sinh năm 1979

Thường trú: Thôn Bình Trị, xã Ninh Bình, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: đường T, khu phố H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Võ M tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Bình, huyện Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 25/8/2006. Sau khi kết hôn bà Nguyễn Thị H và ông Võ M sống tự lập. Ban đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, dần dần do hiếm muộn, không có con chung nên vợ chồng hay bất hòa, dẫn đến mâu thuẫn. Đến tháng 5/2017, bà Nguyễn Thị H phát hiện ông Võ M có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà Nguyễn Thị H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông Võ M không thay

đổi. Hai bên đã chính thức ly thân từ tháng 08/2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân đôi bên không tạo điều kiện đoàn tụ gia đình. Nay bà Nguyễn Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ gia đình nên bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Võ M.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Võ M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không rõ lý do.

3. Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Võ M; Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Võ M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2. Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị H yêu cầu được ly hôn với ông Võ M. Theo Kết quả xác minh của Công an phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức thì bị đơn ông Võ M có đăng ký tạm trú, thực tế có cư trú tại đường T, khu phố H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

1.3. Bị đơn ông Võ M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

2. Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị H và ông Võ M tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56 quyền số 01/2006 ngày 25 tháng 8 năm 2006. Do đó, căn cứ quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ M là hôn nhân hợp pháp.

Ông Võ M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà H nhưng ông M vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, ông M đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông M xảy ra do hiếm muộn, không có con chung, ông M có quan hệ với người phụ nữ khác và hai bên đã ly thân từ tháng 08/2017 cho đến nay. Phía ông M đã được Tòa án triệu tập đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng ông M vẫn vắng mặt không rõ lý do, điều này thể hiện ông M không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng, để mặc quan hệ hôn nhân, không quan tâm đến ý kiến của bà H.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông M đã thật sự trầm trọng, không bên nào quan tâm đến cuộc sống của nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm, bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 54, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ M.

1.2 Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được miễn trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0037243 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H và ông Võ M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận Thủ Đức, TPHCM;
- Chi cục THA DS quận Thủ Đức, TPHCM;
- UBND xã N, huyện N, tỉnh Khánh Hòa;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Châu